

**CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC NỘI THẤT ANT DESIGN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC NỘI THẤT ANT DESIGN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ANT DESIGN INTERIOR ARCHITECTURE LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110351850

**3. Ngày thành lập:** 15/05/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

số nhà 54, TT7, KĐT Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0966980082

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                           | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4390     |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                          | 4610     |
| 6.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                                                                          | 4620     |
| 7.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4641     |
| 8.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4649     |
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4659     |
| 10. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4662     |
| 11. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: -Bán buôn xi măng;<br>-Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;<br>-Bán buôn kính xây dựng;<br>- Bán buôn sơn, vécni;<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim;<br>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. | 4663     |
| 12. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 9522     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 9524        |
| 14. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7110(Chính) |
| 15. | Quảng cáo<br>(không bao gồm quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7310        |
| 16. | Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 1610        |
| 17. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1621        |
| 18. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1622        |
| 19. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1623        |
| 20. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                                                              | 1629        |
| 21. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ;<br>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ. | 4784        |
| 22. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4933        |
| 23. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5210        |
| 24. | Bốc xếp hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt;<br>- Bốc xếp hàng hóa đường bộ;<br>- Bốc xếp hàng hóa loại khác.                                                                                                                                                                                                    | 5224        |
| 25. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                        | 7730        |
| 26. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3100        |
| 27. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3312        |
| 28. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3314        |
| 29. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3320        |
| 30. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4101        |
| 31. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4102        |
| 32. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4221        |
| 33. | Phá dỡ<br>(trừ hoạt động nổ mìn)                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4311        |
| 34. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(trừ hoạt động nổ mìn)                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4312        |
| 35. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4321        |
| 36. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                  | 4752        |

|     |                                                                                                                                                                         |                                                                     |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 37. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753                                                                |
| 38. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759                                                                |
| 39. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4773                                                                |
| 40. | (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                               | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGUYỄN VĂN TIẾN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 18/08/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024095004846

Ngày cấp: 14/10/2022

Nơi cấp: *Cục cảnh sát QLHC về TTXH*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Tam Sơn, Xã Thường Thắng, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *số nhà 54, TT7, KĐT Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN TIẾN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 18/08/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024095004846

Ngày cấp: 14/10/2022

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát QLHC về TTXH*

Địa chỉ thường trú: *thôn Tam Sơn, Xã Thường Thắng, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *số 54, TT7, KĐT Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội